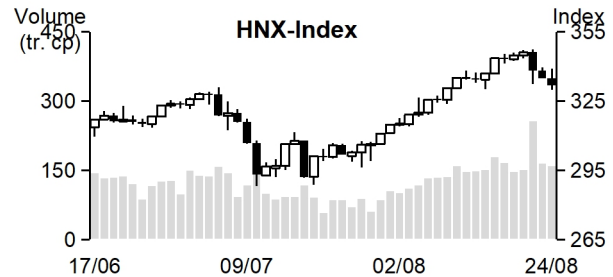
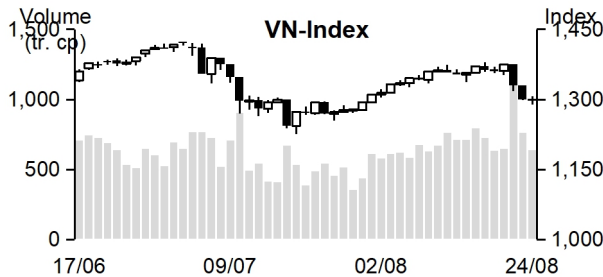


24/08/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,298.74	-0.01%	1,418.26	0.44%	331.79	-0.91%
Tổng KLGĐ (tr. cp)	709.04	-10.71%	214.10	-18.73%	174.28	-2.60%
KLGĐ khớp lệnh (tr. cp)	644.48	-16.09%	203.69	-18.73%	161.23	-3.46%
TB 20 phiên (tr. cp)	672.93	-4.23%	213.30	-4.51%	142.30	13.30%
Tổng GTGD (tỷ VND)	23,302.86	-9.40%	11,526.95	-11.87%	4,493.33	4.58%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	21,205.27	-14.47%	10,687.39	-14.64%	4,090.44	3.68%
TB 20 phiên (tỷ VND)	21,554.19	-1.62%	10,796.01	-1.01%	3,487.16	17.30%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	145	35%	22	73%	86	23%
Số mã giảm	228	55%	6	20%	124	34%
Số mã đứng giá	40	10%	2	7%	158	43%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau 2 phiên giảm sâu liên tiếp, dòng tiền tham gia bắt đáy rục rịch quay trở lại khi nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn được kéo xanh ngay từ đầu phiên. Trong đó, đóng góp không nhỏ đến từ nhóm ngân hàng và bán lẻ. Ngoài ra, nhóm dầu khí cũng giao dịch hưng phấn sau thông tin tích cực từ diễn biến tăng trở lại của giá dầu thế giới. Tuy nhiên, lực cầu nhìn chung vẫn còn khá yếu khi không có sự lan tỏa đến các nhóm ngành nhỏ hơn. Bên cạnh đó, áp lực chốt lời mạnh của nhóm cổ phiếu chứng khoán sau những ngày tăng nóng gần đây cũng khiến các chỉ số chính VN-Index và HNX-Index không thể chốt phiên trên mức tham chiếu. Về diễn biến giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, việc bất ngờ có động thái mua ròng trở lại trong phiên hôm nay của khối ngoại có thể sẽ là dấu hiệu tốt giúp giảm áp lực bán cho thị trường chung trong những phiên sắp tới.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền có phần thận trọng. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa dưới MA20, cùng với MA5 cắt xuống MA20 cho tín hiệu xác nhận xu hướng giảm ngắn hạn. Thêm vào đó, MACD hướng xuống dưới Signal duy trì tín hiệu bán và -DI nở rộng khoản cách lên phía trên so với -DI, cho thấy chỉ số có thể chịu sức ép về vùng hỗ trợ đệm 1,280-1,290 điểm hoặc xa hơn là vùng 1,200 -1,220 điểm (MA200). Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang giảm với cây nến có thân thu hẹp dần, cho thấy bên bán có phần hạ nhiệt, do đó, chỉ số có thể tìm được điểm cân bằng và sớm có một vài phiên hồi kỹ thuật ở vùng hỗ trợ đệm, với kháng cự của nhịp hồi kỹ thuật là 1,310 -1,320 điểm (MA100). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa dưới MA5, cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng. Trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên vùng hỗ trợ quanh 330 điểm (MA20) thì sẽ chịu sức ép giảm về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường tiếp diễn xu hướng giảm, nhưng có thể sẽ sớm xuất hiện một vài phiên hồi kỹ thuật đan xen. Do đó, nhà đầu tư nên thận trọng để tránh rủi ro bị cuốn vào "Bull Trap".

Cổ phiếu khuyến nghị: DPR (Bán)

Cổ phiếu quan sát: SLS, VSC, C4G

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DPR	Bán	25/08/21	59.1	61.6	-4.1%	68.5	11.2%	58.5	-5.0%	Đợt phục hồi có thể đã thất bại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	SLS	Quan sát mua	25/08/21	151	165	Đồ thị vừa có tín hiệu break vùng sideway trung hạn khá tốt + các phiên điều chỉnh gần đây ko xấu với vol giảm dần -> có thể canh mua khi giá tiếp tục giảm về vùng 140-143
2	VSC	Quan sát mua	25/08/21	62.9	69-70	Nhịp điều chỉnh về lại nên giá cũ quanh 61 + tín hiệu nền spinning test đáy khá tốt -> khả năng sớm có nhịp hồi phục t+
3	C4G	Quan sát mua	25/08/21	10.6	11.2-11.5	Nền giảm dài, phủ nhận nền tăng vol cao trước đó cho tín hiệu tạo đỉnh ngắn hạn, tuy nhiên vol thấp nên ko quá tiêu cực -> có thể canh mua khi giá giảm về vùng 9.8-10 với áp lực bán duy trì yếu

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	KBC	Mua	20/08/21	35.9	37.2	-3.5%	41	10.2%	35.5	-5%	Thoát khỏi vị thế nếu thủng ngưỡng 35.5 ngàn (MA20)

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm, xuống thấp nhất 4 tháng

Bản tin trái phiếu tuần từ 16 - 20/8 vừa được Công ty chứng khoán Bảo Việt (BVSC) công bố cho thấy, trong tuần qua không có hoạt động bơm/hút ròng mới nào được thực hiện trên các kênh tín phiếu và OMO của thị trường mở. Lượng OMO và tín phiếu đang lưu hành ở thời điểm hiện tại tiếp tục duy trì ở mức 0.

Diễn biến này tiếp tục cho thấy thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn đang ở trạng thái dồi dào, khi lãi suất liên ngân hàng của 3 loại kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 2 tuần (chiếm hơn 95% tổng doanh số) đều đã đồng loạt giảm xuống dưới mức 1%, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 4 tới nay. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần và 2 tuần hiện chỉ còn lần lượt 0,66%; 0,74% và 0,90%/năm.

Trước đó, 16 NHTM đã cam kết cắt giảm lãi vay 0,5 - 2,5%/năm (với tổng giá trị lãi cắt giảm vào khoảng 20.300 tỷ đồng) để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân đang gặp khó khăn bởi dịch bệnh Covid-19, trong thời gian từ 13/7/2021 đến cuối năm 2021.

Việc sửa đổi thông tư 03, mở rộng các khoản nợ tái cơ cấu và gia tăng thời hạn cho các khoản nợ là động thái tiếp theo của NHNN để hỗ trợ các doanh nghiệp chịu thiệt hại bởi dịch Covid-19, đồng thời giúp giảm áp lực về nợ xấu lên các NHTM.

VDSC: Doanh nghiệp thủy sản có thể gặp khó từ tháng 8 trở đi

Sáu tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản đã tăng mạnh nhờ nhu cầu phục hồi tại các thị trường xuất khẩu chính, đặc biệt là Mỹ. Số lượng từ Bộ Công Thương, sản lượng xuất khẩu đã trở lại mức trước đại dịch COVID-19, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước trong khi giá bán trung bình giảm nhẹ 2%.

Nhìn nhận về ngành trong nửa cuối năm 2021, báo cáo mới đây của CTCK Rồng Việt (VDSC) đã nhận định chính sách giãn cách xã hội ở Việt Nam sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn cung thủy sản chế biến trong 6 tháng cuối năm do giảm công suất hoạt động tại các nhà máy. VDSC cho rằng tác động tiêu cực từ việc giãn cách xã hội sẽ bắt đầu phản ánh rõ hơn vào kết quả kinh doanh các doanh nghiệp kể từ tháng 8 trở đi.

Nhiều nhà máy chế biến thủy sản đã phải đóng cửa, nếu tiếp tục hoạt động phải giảm công suất hoạt động, công suất theo đó chỉ đạt khoảng 50 - 60% năng lực. Theo Undercurrent News, sản lượng xuất khẩu cá tra của Việt Nam trong tháng 7 đã giảm khoảng 18% so với tháng trước.

Do đó, VDSC dự báo các công ty thủy sản sẽ bắt đầu chứng kiến xuất khẩu giảm mạnh kể từ tháng 8 trở đi. Báo cáo cũng chỉ ra lo ngại về sự sụt giảm có thể diễn ra tiếp tục vào quý 4/2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Nguồn : NDH · Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Gas Shipping (GSP): 8 tháng đầu năm đạt lợi nhuận 37,7 tỷ đồng, đặt kế hoạch đầu tư 2 tàu dầu/hóa chất trọng tải 20.000 DWT

CTCP Vận tải sản phẩm khí Quốc tế - Gas Shipping (GSP) vừa công bố kết quả kinh doanh ước tính 8 tháng đầu năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn cuối năm. Ghi nhận, tổng doanh thu của GSP đạt 1.130 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế lũy kế của công ty đạt mốc 37,7 tỷ đồng.

Trong kỳ, đội tàu Gas Shipping vận chuyển được 682 chuyến hàng với tổng khối lượng vận chuyển khoảng 773.399 tấn LPG. Trong đó hai khách hàng chính chiếm tỷ trọng lớn là KDK và Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR).

Trong giai đoạn cuối năm, GSP đặt kế hoạch đầu tư thêm 2 tàu dầu/hóa chất trọng tải 20.000 DWT, đây là trọng tải phù hợp với đặc trưng nhu cầu các khách hàng lớn thuộc thị trường quốc tế của GSP.

Dược Cừu Long phát hành 2 triệu cổ phiếu ESOP với giá gần bằng 1/4 thị giá

CTCP Dược phẩm Cừu Long (HOSE: DCL) sẽ phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu ESOP, tương ứng tỷ lệ 3,5% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu gần bằng 1/4 thị giá cổ phiếu ở thời điểm hiện tại. Chốt phiên giao dịch ngày 23/8, giá cổ phiếu DCL đạt 44.600 đồng/cp, tăng 77% so với cuối năm ngoái.

Số lượng cổ phiếu ESOP sẽ hạn chế chuyển nhượng 1 năm đối với cán bộ nhân viên cấp cao và 3 năm đối với cán bộ nhân viên phổ thông. Thời gian chào bán dự kiến trong tháng 7 hoặc tháng 8.

Về kết quả kinh doanh, lũy kế 6 tháng, doanh thu tăng 8% lên 359 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 56 tỷ đồng và lãi sau thuế tăng 66% lên gần 45 tỷ đồng.

Trong năm nay, công ty đặt kế hoạch kinh doanh với tổng doanh thu 805 tỷ đồng và lãi trước thuế là 110 tỷ đồng. Với kết quả bán niên, đơn vị hoàn thành được 51% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) sắp chi 66 tỷ đồng trả cổ tức cho cổ đông

Ngày 20/9 tới đây CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (mã chứng khoán BTP) sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 11%. Thời gian thanh toán 29/10/2021. Như vậy với hơn 60 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, Nhiệt điện Bà Rịa chi khoảng 66 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

6 tháng đầu năm 2021 doanh thu của Nhiệt điện Bà Rịa tăng 25,6% so với cùng kỳ, lên mức 617 tỷ đồng. Tuy nhiên do chi phí vốn tăng cao nên lợi nhuận sau thuế giảm đến 62% xuống còn hơn 23 tỷ đồng.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PDR	86,000	4.62%	0.04%
MSN	128,500	1.18%	0.04%
SAB	142,400	1.71%	0.03%
VJC	122,800	2.08%	0.03%
MWG	160,500	1.52%	0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DXS	26,800	4.28%	0.09%
NVB	28,100	3.31%	0.08%
PVS	24,100	2.55%	0.07%
PVI	41,200	2.23%	0.05%
TVB	24,000	6.67%	0.04%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	95,400	-0.83%	-0.06%
SSI	61,200	-3.47%	-0.03%
VCI	58,100	-6.59%	-0.03%
HCM	53,200	-6.83%	-0.02%
VCB	97,000	-0.31%	-0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VND	50,000	-6.19%	-0.32%
MBS	33,500	-7.97%	-0.18%
SHB	27,000	-1.46%	-0.17%
IDC	34,700	-3.61%	-0.09%
VCS	116,800	-1.52%	-0.07%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
STB	27,250	0.93%	25,860,800
SSI	61,200	-3.47%	23,297,300
HPG	47,750	0.53%	21,929,400
VHM	107,300	0.09%	20,691,400
FIT	19,900	-6.79%	18,434,500

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VND	50,000	-6.19%	22,243,753
SHB	27,000	-1.46%	11,935,349
SHS	40,000	0.50%	11,293,463
PVS	24,100	2.55%	7,224,331
ART	9,600	-6.80%	6,240,452

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VHM	107,300	0.09%	2,217.9
SSI	61,200	-3.47%	1,429.4
HPG	47,750	0.53%	1,048.2
TCB	49,000	0.51%	791.2
STB	27,250	0.93%	705.6

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VND	50,000	-6.19%	1,124.4
SHS	40,000	0.50%	451.9
SHB	27,000	-1.46%	326.3
MBS	33,500	-7.97%	193.7
PVS	24,100	2.55%	174.0

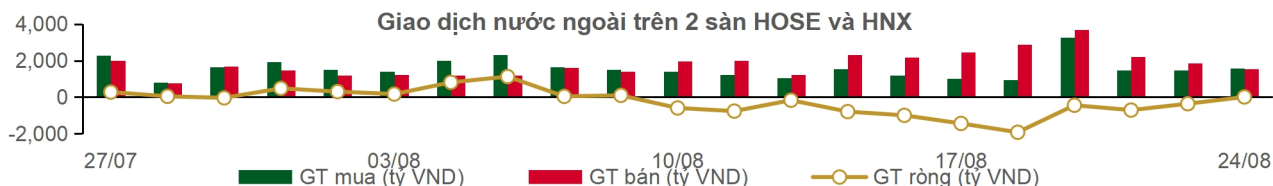
Thống kê giao dịch thỏa thuận**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
RIC	13,420,114	329.00
FPT	2,128,465	199.50
VNM	1,750,000	150.50
SSI	2,200,000	129.80
IJC	4,946,675	122.84

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SHB	7,026,900	189.78
VND	2,609,000	125.32
NVB	1,173,000	34.02
IDC	546,000	21.02
VC3	700,000	16.94

Thông kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	35.94	1,496.79	32.21	1,363.08	3.72	133.71
HNX	1.80	71.28	4.21	194.11	(2.41)	(122.82)
Tổng 2 sàn	37.74	1,568.07	36.42	1,557.19	1.31	10.89



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
FPT	91,900	2,141,665	200.71
SSI	61,200	3,090,800	188.97
VHM	107,300	995,100	106.52
CTG	32,750	2,188,500	71.91
HPG	47,750	1,434,900	68.69

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VND	50,000	1,119,400	56.25
DXS	26,800	137,400	3.67
PAN	26,900	77,200	2.08
SHS	40,000	21,300	0.87
PVI	41,200	20,500	0.83

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
FPT	91,900	2,128,465	199.50
HPG	47,750	2,331,700	111.56
GMD	46,950	1,945,700	91.77
MSN	128,500	642,000	82.12
CTG	32,750	2,131,800	69.85

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VND	50,000	3,494,600	176.62
SHS	40,000	229,300	9.14
IVS	11,400	68,100	0.87
THD	213,900	3,600	0.77
LHC	83,400	8,000	0.65

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	61,200	2,545,300	155.65
VHM	107,300	881,400	94.35
VHC	44,250	799,700	34.79
MBB	28,550	957,800	27.29
VNM	86,300	279,400	24.17

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DXS	26,800	136,400	3.64
PAN	26,900	77,200	2.08
PVI	41,200	20,500	0.83
BSI	27,500	25,100	0.71
NDN	20,200	31,300	0.63

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
MSN	128,500	(542,100)	(69.34)
GMD	46,950	(1,315,000)	(62.00)
HPG	47,750	(896,800)	(42.87)
DPM	35,400	(772,200)	(27.78)
VRE	26,150	(918,300)	(23.96)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	50,000	(2,375,200)	(120.37)
SHS	40,000	(208,000)	(8.27)
IVS	11,400	(68,100)	(0.87)
LHC	83,400	(8,000)	(0.65)
EID	18,100	(34,900)	(0.62)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

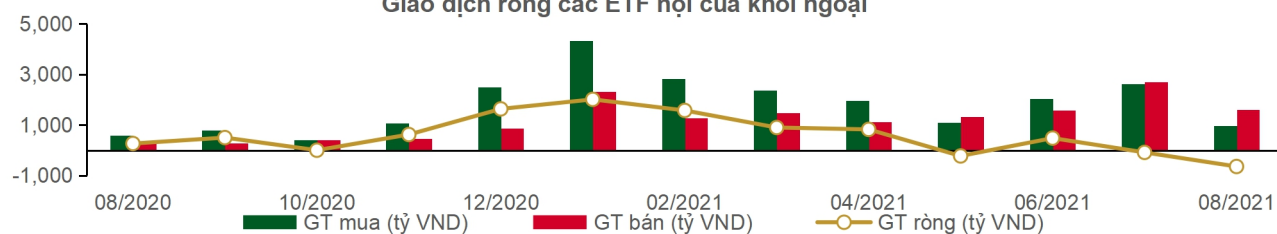
THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFN30	23,950	1.1%	2,333,100	55.51
FUEMAV30	16,750	0.3%	90,700	1.51
FUESSV30	19,000	-4.9%	28,300	0.54
FUESSV50	21,100	0.0%	14,600	0.31
FUESSVFL	20,400	-0.4%	245,800	4.94
FUEVFN D	25,100	0.4%	834,900	20.65
FUEVN100	17,850	-0.4%	92,500	1.65
Tổng cộng			3,639,900	85.10

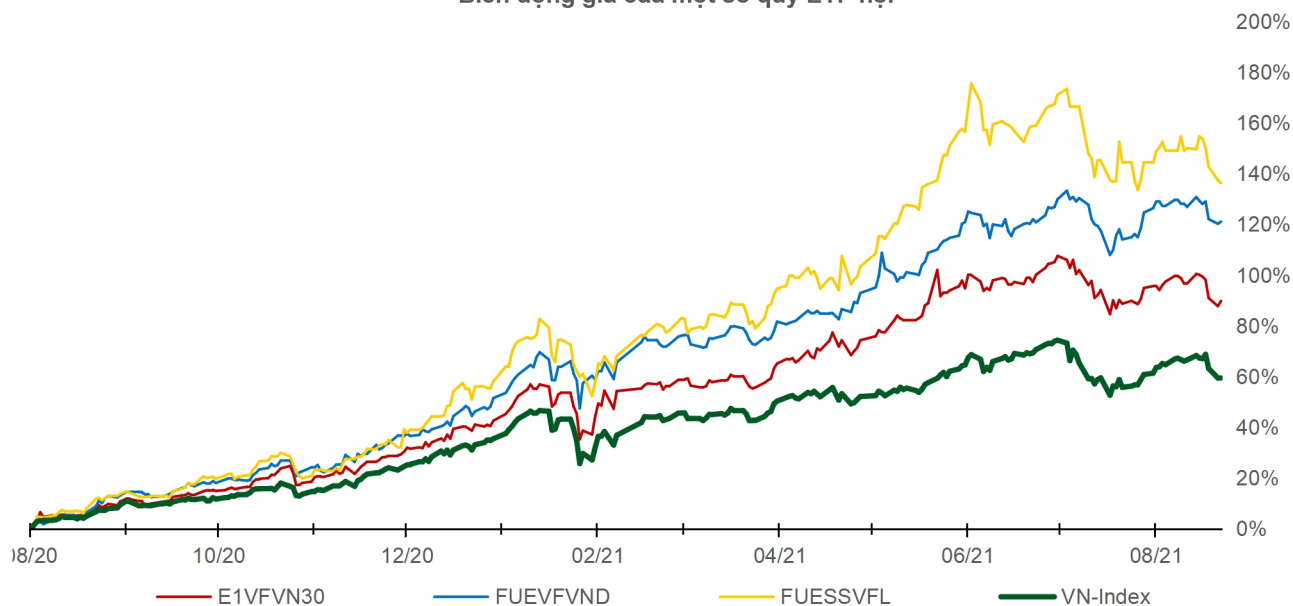
MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	41.61	29.89	11.71
FUEMAV30	0.36	1.49	(1.14)
FUESSV30	0.03	0.06	(0.02)
FUESSV50	0.00	0.11	(0.10)
FUESSVFL	2.41	3.85	(1.43)
FUEVFN D	16.50	19.13	(2.63)
FUEVN100	0.54	1.64	(1.11)
Tổng cộng	61.45	56.16	5.29

Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại



Biến động giá của một số quỹ ETF nội



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2102	5,020	-2.5%	4,020	139	91,900	1,210	(3,810)	89,050	4.9	10/01/2022
CFPT2103	3,110	-3.1%	33,340	136	91,900	331	(2,779)	98,950	4.9	07/01/2022
CFPT2104	3,060	5.9%	44,310	104	91,900	1,344	(1,716)	79,160	9.9	06/12/2021
CHDB2101	1,440	2.9%	6,080	29	33,700	772	(668)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	5,200	-1.9%	7,620	29	47,750	4,600	(600)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2106	7,400	2.5%	25,590	3	47,750	7,231	(169)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2109	7,780	-0.6%	4,750	139	47,750	519	(7,261)	55,000	1.0	10/01/2022
CHPG2110	2,490	3.3%	154,060	104	47,750	892	(1,598)	44,000	5.0	06/12/2021
CKDH2101	2,140	-1.4%	7,530	29	38,000	1,723	(417)	30,300	4.5	22/09/2021
CMBB2103	3,010	-1.0%	13,300	136	28,550	66	(2,944)	34,810	1.5	07/01/2022
CMSN2101	1,900	-5.0%	8,880	29	128,500	1,491	(409)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,410	0.7%	9,580	29	128,500	936	(474)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2104	4,920	1.4%	9,330	253	128,500	1,951	(2,969)	118,000	10.0	04/05/2022
CMWG2104	6,100	0.7%	13,650	(155)	160,500	(86)	(6,186)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	3,650	14.1%	49,100	3	160,500	3,628	(22)	131,500	8.0	27/08/2021
CMWG2106	2,470	-1.6%	9,000	136	160,500	181	(2,289)	180,000	10.0	07/01/2022
CNVL2101	4,390	-0.2%	2,220	29	105,500	4,167	(223)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,600	1.9%	28,820	34	105,500	937	(663)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	60	50.0%	66,080	3	86,000	(0)	(60)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,700	20.6%	45,150	34	86,000	57	(1,643)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2104	1,130	-4.2%	25,690	136	88,300	25	(1,105)	109,000	8.0	07/01/2022
CSBT2101	960	-5.0%	730	29	20,500	(0)	(960)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	3,800	-5.7%	8,890	29	27,250	2,644	(1,156)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2104	4,400	-8.3%	31,410	3	27,250	4,354	(46)	22,900	1.0	27/08/2021
CSTB2105	6,200	1.6%	3,220	139	27,250	827	(5,373)	30,000	1.0	10/01/2022
CTCB2101	20,300	1.5%	9,720	42	49,000	18,078	(2,222)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2104	1,700	0.0%	36,620	3	49,000	1,604	(96)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCB2105	3,590	3.9%	56,300	253	49,000	1,455	(2,135)	45,000	5.0	04/05/2022
CTCH2101	270	-15.6%	3,210	29	18,200	(0)	(270)	24,060	3.9	22/09/2021
CVHM2101	1,810	0.6%	2,790	29	107,300	88	(1,722)	106,890	16.0	22/09/2021
CVIC2101	350	-23.9%	7,960	29	95,400	0	(350)	112,780	17.8	22/09/2021
CVIC2103	320	-20.0%	17,560	34	95,400	(0)	(320)	147,450	17.8	27/09/2021
CVIC2104	1,750	-2.2%	30,030	136	95,400	77	(1,673)	110,210	8.9	07/01/2022
CVNM2101	310	-8.8%	7,460	29	86,300	(0)	(310)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	360	44.0%	26,430	20	86,300	(0)	(360)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	260	-7.1%	20,690	34	86,300	(0)	(260)	117,930	19.8	27/09/2021
CVNM2106	2,510	0.0%	3,570	142	86,300	85	(2,425)	100,000	5.0	13/01/2022
CVNM2107	1,610	5.9%	23,660	136	86,300	54	(1,556)	98,000	10.0	07/01/2022
CVNM2108	2,030	-2.9%	64,710	104	86,300	727	(1,303)	80,000	10.0	06/12/2021
CVPB2104	4,250	14.9%	26,590	3	61,000	4,003	(247)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2101	250	13.6%	3,540	29	26,150	(0)	(250)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2105	1,390	21.9%	77,300	253	26,150	279	(1,111)	30,000	5.0	04/05/2022

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
FMC (New)	HOSE	41,200	46,400	20/08/2021	220	3,745	22,794	16%	11%	12.4	2.0
HPG (New)	HOSE	47,750	64,800	19/08/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4
ANV (New)	HOSE	28,750	27,700	16/08/2021	222	1,739	18,043	9%	4%	15.9	1.5
VIB (New)	HOSE	35,850	45,700	12/08/2021	5,298	3,411	17,841	23%	2%	13.4	2.6
NLG (New)	HOSE	40,950	49,500	11/08/2021	1,090	3,175	29,565	12%	7%	15.6	1.7
STK	HOSE	43,000	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ	HOSE	88,300	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM	HOSE	72,500	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM	HOSE	86,300	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC	HOSE	42,600	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC	HOSE	59,300	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC	HOSE	44,250	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT	HOSE	39,400	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW	HOSE	86,800	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI	HNX	41,200	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
BMI	HOSE	38,800	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG	HOSE	21,100	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC	HOSE	82,100	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD	HOSE	46,950	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR	HOSE	34,000	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
TPB	HOSE	34,050	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH	HOSE	38,000	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA	HOSE	16,800	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
VRE	HOSE	26,150	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM	HOSE	107,300	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR	HOSE	50,500	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC	HOSE	35,900	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE	HOSE	57,900	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
MPC	UPCOM	36,913	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP	HOSE	68,100	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG	HOSE	93,700	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG	HOSE	160,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB	HOSE	142,400	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN	HOSE	128,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
NVL	HOSE	105,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG	UPCOM	43,208	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB	HOSE	97,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB	HOSE	32,300	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB	HOSE	49,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG	HOSE	16,050	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP	HOSE	53,000	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD	HOSE	64,600	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT	HOSE	91,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS	HNX	31,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC	HOSE	43,400	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV	UPCOM	75,125	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX	HOSE	48,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT	HOSE	20,500	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS	UPCOM	47,082	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS	HOSE	86,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH	HOSE	76,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG	HOSE	28,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
GIL	HOSE	56,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	17,500	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	17,250	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	44,100	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	79,091	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	10,550	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn